

động lực con người.

2. Về chính sách: Để thực hiện các chiến lược trên, cần phải thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp sau đây:

- Tạo môi trường sản xuất kinh doanh, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước vào SX kinh doanh và sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Giữ sự ổn định chính trị, trật tự kỷ cương và an toàn xã hội.

- Cải cơ sở hạ tầng cứng lẫn cơ sở hạ tầng mềm phải được chú ý phát triển đúng mức.

- Tiếp tục cải cách kinh tế và cải cách hành chính thúc đẩy tạo thành đủ và hoàn chỉnh hệ thống thị trường (nhất là thị trường tài chính) và cơ chế thị trường có sự quản lý ngày càng có hiệu lực của nhà nước.

- Thúc đẩy ra đời đủ loại doanh nghiệp, và giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp.

- Cải cách tổng thể khu vực kinh tế nhà nước (quốc doanh, tài chính, ngân hàng) và bộ máy nhà nước.

- Riêng ở TP.HCM, ngoài những chiến lược và chính sách nêu trên, những giải pháp cụ thể được nhấn mạnh là:

- + Trang bị lại nền sản xuất xã hội, dự kiến hàng năm phải đổi mới khoảng 20% thiết bị cũ kỹ, lạc hậu để trong vòng 5-7 năm tới có thể có sản phẩm công nghiệp đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- + Hình thành khu công nghiệp tập trung.

- + Khẩn trương xây dựng khu công nghiệp kỹ thuật cao.

- + Tổ chức lại các cơ quan chỉ đạo sản xuất kinh doanh mạnh, hiệu quả và đồng bộ bao gồm: cơ quan ra chính sách, quy hoạch, kế hoạch..., quản lý điều hành nhà nước, quản trị doanh nghiệp.

- + Cải tiến chế độ tiền lương, cải tổ cách quản lý ngân sách và xây dựng ngân sách, điều hành ngân sách.

NTM

(Tổng thuật)

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC NGUY CƠ TỤT HẬU XA HƠN VỀ KINH TẾ

PGS. PTSTRẦN TRUNG HẬU
Đại học Tổng hợp TP.HCM

1. Một trong những chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá trình độ phát triển kinh tế là GDP tính theo đầu người. Hiện nay GDP/người của Nhật Bản gấp 5,4 lần của Hàn Quốc; 19,5 lần của Thái Lan và khoảng 110 lần của VN.

Nếu tính theo giá mua tương đương (PPP) thì thu nhập bình quân người hàng năm của VN khoảng 1.023 đôla Trung Quốc 1.990 Indonesia 2.181 Philippines 2.303 Thái Lan 3.986 Malaysia 6.140 (Nguồn: Asiaweek)

Trong khi đó, theo dự đoán của WB trong 10 năm (1994-2003) mức tăng trung bình của thế giới là:

- Các nước phát triển 2,7%
- Các nước đang phát triển 4,8%
- Các nước ở vùng Đông Á 7,6%

Như vậy VN đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế.

2. Muốn khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn nữa trước hết phải có một chiến lược tăng trưởng và phát triển kinh tế về cơ bản đúng từ đầu.

Đó là chiến lược công nghiệp hóa hiện đại hóa với mô hình hướng về xuất khẩu nhưng mô hình đó không có nghĩa là từ bỏ việc

thay thế nhập khẩu và được thực hiện theo phương thức kết hợp bổ sung thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, tức vừa phục vụ thị trường nội địa và thị trường nước ngoài, nhưng có nhấn mạnh hơn về xuất khẩu. Như vậy vừa huy động, phát triển được các nguồn lực bên trong vừa tranh thủ được khả năng bên ngoài tạo ra sự phát triển mạnh về số lượng.

WB trong báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1987 nghiên cứu tình hình 41 nước đã rút ra kết luận rằng những nước "hướng ngoại mạnh" đều đạt mức cao nhất về các chỉ số tốc độ tăng trưởng, mức thu nhập tính theo đầu người, tốc độ phát triển công nghiệp chế tạo, khả năng sử dụng lao động và tạo việc làm.

3. Con đường thoát khỏi nghèo nàn, tụt hậu xa hơn so với các nước xung quanh là phải chuyển dịch cơ cấu theo hướng xây dựng một cơ cấu kinh tế sản xuất hàng hóa và hướng ngoại, thích ứng với sự phân công lao động quốc tế và sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế không phải hoàn toàn dựa vào ý muốn chủ quan, mà phải tuân theo những vấn đề có tính qui luật. Xuất phát từ hoàn cảnh và đặc điểm của ta, ngoài vấn đề bố trí cơ cấu thành phần kinh tế, theo tôi cần chú ý mấy vấn đề sau:

3.1. Phải tập trung sức chuyển dịch cơ cấu ngành NN theo hướng CNH, HĐH vì đất đai NN là hiếm và quý, vì NN là cơ sở để phát triển CN, vì yêu cầu về vốn và kỹ thuật không cao bằng so với

làm CN.

Đi theo với sự tăng lên của năng suất lao động và thu nhập, cơ cấu sẽ chuyển dần từ nông công nghiệp sang công nông nghiệp và dịch vụ.

3.2. Phải đón được hướng đi mới của công nghệ, tiếp thu thích nghi làm chủ các công nghệ đó và tạo tiềm năng ứng dụng lớn. Một số nước Đông Á và Đông Nam Á trước đây có điểm xuất phát thua kém hoặc ngang bằng so với Liên Xô cũ và nước ta nhờ nắm bắt được xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật, đón được hướng đi mới của công nghệ, phát hiện được những ngành mũi nhọn đã trở thành NICs.

Ngày nay, tất cả các mặt hoạt động kinh tế đang chịu sự tác động cách mạng đồng thời của tin học - vi điện tử, vật liệu mới và công nghệ sinh học. Đây mạnh và phổ biến sự tiến bộ của khoa học - công nghệ là điều kiện cần thiết cho việc loại trừ sự tụt lùi về kinh tế, xã hội và sinh thái học tương lai. Ở VN cần phải:

- Tránh lao vào những công nghệ đắt tiền, tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu.

- Cần đi vào những ngành mũi nhọn có khả năng làm đòn xeo vững mạnh cho nền kinh tế quốc dân như tin học, vi điện tử, công nghệ sinh học (giống, cây, con, quá trình chế biến...), các ngành có lợi thế như hóa dầu, sành sứ thủy tinh cao cấp v.v..

- Tăng đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, thành lập khu (hoặc thành phố) khoa học kỹ thuật cao.

- Cải cách và chấn

hưng giáo dục, đào tạo nhân tài, tăng cường cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ.

3.3. Tăng cường liên kết kinh tế, hợp tác quốc tế (cơ cấu kinh tế mở) sử dụng quan hệ quốc tế để thu hút luồng vốn đầu tư bên ngoài.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã hình thành một mô hình liên kết kinh tế lỏng nhiều tầng theo mô hình "đàn khổng bay" do Nhật Bản dẫn đầu, tiếp theo là các NICs châu Á, rồi các nước Asean, VN là một nước ở tầng thấp hoàn toàn có thể sử dụng ưu thế của nước đi sau khi tham gia vào sự phân công lao động, hợp tác quốc tế trong khu vực.

Việt Nam cũng cần tăng cường quan hệ để hòa nhập vào kinh tế EEC, khai thác những mặt mạnh trong 3 lĩnh vực thương mại, viện trợ, đầu tư như kỹ thuật tiên tiến trong cơ khí, chế biến nông sản, điện tử, kinh nghiệm quản lý kinh tế và sản xuất công nghiệp; tranh thủ đầu tư trực tiếp của các công ty siêu quốc gia v.v

Chính nhờ 2 yếu tố sự phổ biến tiến bộ công nghệ và liên kết kinh tế, các nước NICs đã rút ngắn được quá trình CNH nói chung và thời gian nâng cao sản lượng tính theo đầu người lên gấp đôi.

Quá trình CNH ở nước Anh trước đây bắt đầu vào 1780 và phải mất 58 năm mới làm tăng gấp đôi sản lượng/người; ở Mỹ bắt đầu từ 1839 và mất 47 năm; ở Nhật Bản từ 1880 và rút xuống 34 năm; Nam Triều Tiên do nắm bắt và khai thác được 2 yếu tố trên nên chỉ còn mất 11 năm (1966-77) và gần đây Trung Quốc chỉ còn 10 năm (1977-87).

4. Để tiến hành CNH, HDH phải có vốn. Vốn là điều kiện rất quan trọng không thể thiếu được.

4.1 Khối lượng vốn, cơ cấu như thế nào có liên quan tới tốc độ tăng trưởng kinh tế, ICOR, tỷ lệ huy động vốn trong GDP.

Để thu nhập/người đến năm 2000 đạt 400USD tức tăng gấp đôi, mức tối thiểu là:

- Tốc độ tăng trưởng

GDP bình quân năm là 8%.

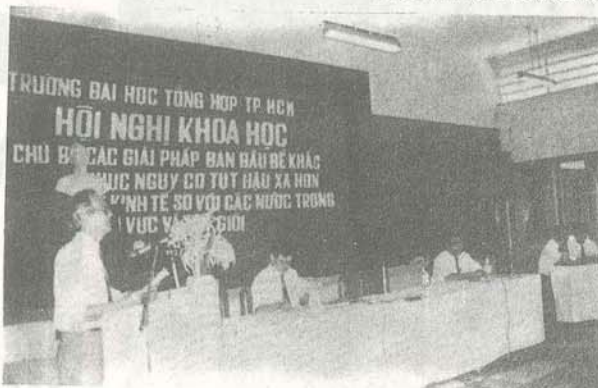
- Với đầu tư từ dự trữ 40 tỉ USD.

- ICOR trong giai đoạn này là 2 và nâng dần lên đến năm 1977 là 2,5, và năm 2000 là 3,0

- Tỷ lệ đầu tư tương ứng là 13,1%; 24% và 26% GDP. Nếu ICOR quá cao, tốc độ tăng trưởng sẽ chậm lại, nếu ICOR tương đối thấp thì tạo điều kiện phát triển nhanh và ổn định. Vậy để không làm cho tốc độ tăng chậm lại và bớt phải lệ thuộc nhiều hơn vào vốn nước ngoài thì giải pháp cơ bản là:

- Khuyến khích đầu tư tư nhân trong nước, ưu đãi tối thiểu là bằng với đầu tư nước ngoài.

- Lựa chọn công nghệ tiên tiến thích hợp, không lựa chọn công nghệ quá cao tốn nhiều tiền.



- Hết sức hạn chế đầu tư vào các ngành thâm dụng tư bản (trừ đầu khí, điện lực) chậm thu hồi vốn.

4.2. Về cơ cấu vốn:

Nguồn vốn trong nước là quyết định; nguồn vốn bên ngoài là quan trọng nhất là trong giai đoạn đầu.

Hiện nay tỷ lệ giữa vốn đầu tư trong nước và nước ngoài mới đạt tối thiểu là 1:1; cần phải nâng dần lên 2:1 thì tiếp nhận đầu tư nước ngoài mới có hiệu quả.

Trong đầu tư nước ngoài thì FDI là rất quan trọng (dự trù trong 40 tỉ thì FDI là 12-13 tỉ chiếm 32%) song cần chú ý rằng vốn đầu tư trong nước còn thấp.

Để tạo điều kiện cho tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh cần phải:

- Đầu tư tương xứng vào kết cấu hạ tầng của sản xuất, cần tìm nguồn vốn

ODA để xây dựng trước 1 bước.

- Khi đầu tư phải chọn lọc các công trình công cộng đúng hướng ưu tiên, có trình tự thực hiện phù hợp với khả năng vốn để không có những công trình xây dựng dở dang vì hết vốn, và ICOR mới không tăng nhanh.

- Nhanh chóng nâng tỷ lệ đầu tư trong nước cho tương xứng.

- Ổn định tình hình kinh tế vĩ mô, tạo môi trường pháp lý thuận lợi chính là điều kiện để thu hút vốn đầu tư nước ngoài và trong nước.

- Cần có 1 cơ chế chính sách sử dụng có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài, đổi mới cơ chế quản lý đầu tư để tránh làm thất thoát 20-30% vốn đầu tư.

5. Chính sách tài chính

- tiền tệ là các chính sách vĩ mô số 1 trong chiến lược CNH hướng về xuất khẩu. Các chính sách này phải vừa kiềm chế được lạm phát vừa tăng trưởng kinh tế nhanh.

Hiện nay cần phải giải quyết những vấn đề sau để duy trì ổn định vĩ mô.

- Khắc phục tình trạng tỷ suất bảo hộ hữu hiệu (ERP) cao, cộng thêm có sự can thiệp của ngành, địa phương nên đã làm triệt tiêu hiệu quả của công cụ thuế nhằm kích thích đầu tư vào xuất khẩu và các ngành sử dụng nguyên liệu nội địa; đã dẫn đến những hiện tượng đầu tư tràn hình để khai thác "chính sách bảo hộ của ta đối với các ngành kỹ nghệ non trẻ trong nước.

- Sự duy trì tỷ giá hối đoái theo nguyên tắc thả nổi có sự quản lý nhưng chậm điều chỉnh nên đã trở thành

tỷ giá cố định làm tăng giá đồng tiền trong nước ảnh hưởng đến xuất khẩu, làm sồi mòn dự trữ ngoại tệ. Cho nên cần nâng tỉ giá lên khoảng 10-15% (vì đồng bạc VN so với 1991 đã tăng giá 20%) là thích hợp.

- Lãi suất vay của ta so với thế giới là rất cao. Để có thể giảm lãi suất mà vẫn thu hút được tiết kiệm thì giải pháp cơ bản và lâu dài vẫn phải là tạo vốn từ thị trường chứng khoán.

- Cần nhấn mạnh chính sách tài chính - tiền tệ mở rộng, sử dụng đầy đủ các công cụ của chính sách tài chính tiền tệ như thị trường mở, tái tài trợ, tín dụng có chọn lọc, lãi suất chiết khấu.

6. Yếu tố quyết định hàng đầu là con người - nhân tố cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Việc đưa con người vào vị trí trung tâm làm thay đổi quan niệm về tích lũy và tiêu dùng. Ngày nay con người được hiểu theo 3 khía cạnh: người lao động, người tiêu dùng, người sáng tạo, khía cạnh nào cũng có vị trí quyết định đối với quá trình tái sản xuất xã hội, việc tiêu dùng cá nhân có một phần mang tính chất duy trì tái tạo sức lao động, có một phần mang tính chất phát triển làm tăng trí tuệ, sức sáng tạo (coi như tích lũy). Vì vậy việc tiêu dùng hợp lý ngày nay (chứ không phải khắc khổ) tạo khả năng tích lũy cho ngày mai. Nếu sai lầm trong tiêu dùng thì thời gian sửa chữa tính theo thế hệ, chứ không phải tính theo năm.

Thuyết nhân tố con người đòi hỏi phải nâng con người lên tầm cao, phải gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội.

Việc nâng cao sức lực và trí tuệ cho con người, sử dụng vào đầu cho có hiệu quả nhất sẽ làm cho con người có sức mạnh to lớn có thể chuyển thể yếu thành thể mạnh về nhiều mặt ♣

(Báo cáo đề dẫn trong hội nghị khoa học tại Đại học Tổng hợp 20.7.94).